

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay

Đinh Trung Sơn¹

¹ Viện Kinh tế chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
Email: trungson2610@gmail.com

Nhận ngày 20 tháng 3 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 4 năm 2017.

Tóm tắt: Sau hơn 10 năm trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Việt Nam đã ngày càng hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế cũng còn nhiều hạn chế, như: hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh, không đồng bộ, gây khó khăn trong việc thực hiện cam kết của các tổ chức kinh tế quốc tế; chưa có kế hoạch tổng thể và lộ trình hợp lý về hội nhập quốc tế; chưa có chiến lược rõ ràng khi tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA); chưa có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với hội nhập trong các lĩnh vực khác; năng lực cạnh tranh của Việt Nam còn thấp. Để nâng cao hiệu quả của hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam cần phải chủ động và tích cực hơn nữa trong việc tận dụng các cơ hội và giảm thiểu các tác động tiêu cực của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác.

Từ khóa: Hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam.

Abstract: After over ten years since Vietnam's becoming an official member of the World Trade Organisation (WTO), the country has increasingly integrated into the global economy and achieved many positive results. However, its international economic integration is still faced with limitations, such as the incomplete and unsynchronous legal system that causes difficulties in the implementation of commitments made to international economic organisations. There is not yet an overall plan and a reasonable roadmap for international integration, or a clear strategy in entering into free trade agreements (FTAs). Furthermore, in economic integration, there remains the lack of close and effective coordination with the integration in other fields, in the context of the country's low competitiveness. In order to improve the efficiency of international economic integration, Vietnam needs to take more initiative and be more active in taking advantage of opportunities and mitigating the negative impacts of international economic integration, while expanding the international cooperation in other fields.

Keywords: International economic integration, Vietnam.

1. Mở đầu

Trong quá trình đổi mới đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế luôn là một chủ trương được Đảng chú trọng và nhất quán trong chính sách đối ngoại và hợp tác kinh tế quốc tế. Thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng, Việt Nam đã từng bước, chủ động hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Những kết quả đạt được trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nâng cao vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế. Bài viết phân tích quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập kinh tế quốc tế, thực trạng và những giải pháp nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam từ sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO năm 2007.

2. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế là một nội dung mà Đảng ta luôn chú trọng trong quá trình phát triển. Quan điểm của Đảng về hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng được bổ sung và hoàn thiện.

Đại hội Đảng VI (1986) đã chủ trương đổi mới và mở cửa nền kinh tế, đẩy mạnh quá trình khôi phục và bình thường hóa quan hệ với các nước. Văn kiện Đại hội Đảng VI đã ghi rõ: “Nước ta phải tham gia sự phân công lao động quốc tế... đồng thời tranh thủ mở mang quan hệ kinh tế và khoa học - kỹ thuật với các nước thế giới thứ ba, các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi” [1, tr.81]. Việc xác định

hướng tới tham gia phân công lao động quốc tế, phát triển quan hệ với các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài tạo tiền đề quan trọng cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng trong những năm sau này.

Đại hội Đảng VII (1991) chủ trương: “Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình” [2, tr.146]. Nhờ đó, Việt Nam đã đẩy lùi được chính sách bao vây cô lập, không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế đối ngoại song phương và đa phương. Việt Nam cũng thể hiện sự chú trọng hợp tác với các tổ chức quốc tế, cụ thể: “Hợp tác với các tổ chức tài chính và tiền tệ quốc tế cũng như các tổ chức chuyên môn của Liên Hợp Quốc và các tổ chức phi chính phủ” [2, tr.147].

Đại hội Đảng VIII (1996) chủ trương: “Tiếp tục thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa phương hóa và đa dạng hóa” [3, tr.41]. Đại hội nhấn mạnh, tiếp tục phải phát triển kinh tế với chính sách hội nhập khu vực và thế giới, đặc biệt hướng mạnh về xuất khẩu nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: “Nhiệm vụ đối ngoại trong giai đoạn tới là củng cố môi trường hòa bình và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước” [3, tr.120].

Đại hội Đảng IX (2001) khẳng định: “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta và đảm bảo thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như AFTA, APEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến tới gia nhập WTO” [4, tr.199]. Đại hội thể hiện sự nhất quán trong quan điểm

chủ động hội nhập, chú trọng tới các quan hệ song phương và đa phương, đặc biệt là tập trung chuẩn bị cho việc gia nhập WTO.

Đại hội Đảng X (2006) chỉ rõ chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích đất nước là cao nhất: “Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác... Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất” [5, tr. 112-114].

Đại hội Đảng XI (2011) chủ trương: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế” [6, tr.83]. Đại hội nhấn mạnh hội nhập quốc tế một cách toàn diện, không chỉ ở lĩnh vực kinh tế, mà hội nhập mở rộng ra tất cả các lĩnh vực khác, kể cả chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hóa - xã hội. Đây là bước chuyển biến quan trọng về tư duy của Đảng ta. Đại hội XI cũng thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, trong đó nêu rõ quan điểm phát triển: “Phải không ngừng tăng cường tiềm lực kinh tế và sức mạnh tổng hợp của đất nước để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và có hiệu quả” [6, tr.102]. Chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2020 tiếp tục thể hiện rõ nhận thức của Đảng về việc lấy phát triển nội lực là cơ sở quan trọng để đạt được hội nhập kinh tế hiệu quả, chủ động hội nhập theo tình hình thế giới trên điều kiện đảm bảo lợi ích quốc gia, dân tộc.

Đại hội Đảng XII tiếp tục yêu cầu phải triển khai mạnh mẽ định hướng chiến lược: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, trong đó hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể.” [7, tr.111]. Đại

hội đã nêu rõ: “Kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập kinh tế quốc tế với xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ” [7, tr.111].

Ngày 5 tháng 11 năm 2016, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nhằm tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế, mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

3. Thực trạng hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

3.1. Thành công

- Về thương mại, đầu tư: sau khi gia nhập WTO, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực, điều này thể hiện rõ qua sự tăng trưởng kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài. Mặc dù chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) vẫn đạt được bình quân trên 6%/năm trong 10 năm qua (2007-2016). Thu nhập bình quân đầu người năm 2016 đạt 48,6 triệu đồng, tương đương 2.215 USD, trong khi năm 2007 chỉ là 835 USD.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) liên tục tăng cả về số lượng dự án và tổng vốn. Năm 2007, với 1.544 dự án, vốn FDI đăng ký đạt 21,3 tỷ USD và thực hiện được

8 tỷ USD. Năm 2016, vốn đăng ký đạt 24,4 tỷ USD với 2.556 dự án và vốn giải ngân đạt 15,8 tỷ USD, mức cao nhất từ trước đến nay. Chính việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế đã giúp hoàn thiện và làm minh bạch hệ thống pháp luật, nâng cao sức hấp dẫn của Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài.

- Về ký kết các hiệp định: ngày 11/01/2007, Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 150 của WTO, đây là một dấu mốc quan trọng của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Ngay sau đó, Việt Nam đã ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế với Nhật Bản (VJEPA) vào năm 2008, đây là FTA song phương đầu tiên của Việt Nam. Tiếp đó, Việt Nam triển khai ký kết FTA với Chile năm 2011, với Hàn Quốc năm 2015. Đặc biệt FTA giữa Việt Nam với Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU) được ký kết năm 2015 đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này. Bên cạnh đó Việt Nam đang thúc đẩy việc hoàn thiện ký kết FTA với Liên minh Châu Âu (EU).

Trong những năm gần đây, Việt Nam tiếp tục thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015, tiếp tục tiến hành đàm phán các FTA như Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP).

Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 187/193 quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc; có 98 cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài; có quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ; là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế; đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước và đối tác toàn diện với 10 nước. Sự hội nhập kinh tế sâu rộng này đã giúp nâng

cao vị trí, vai trò và trách nhiệm của Việt Nam trong các diễn đàn và tổ chức của khu vực và thế giới; từ đó góp phần mở rộng thị trường, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Về các lĩnh vực khác: hội nhập kinh tế cũng đem lại nhiều lợi ích cho Việt Nam trên khía cạnh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và cải cách môi trường kinh doanh. Hệ thống pháp luật liên tục được bổ sung và hoàn thiện để phù hợp với thông lệ quốc tế, tích cực xây dựng môi trường kinh doanh thông thoáng và minh bạch hơn, bảo đảm sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp nhằm thu hút nhiều hơn các nhà đầu tư nước ngoài. Đến nay đã có 57 quốc gia công nhận nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường, trong đó có các đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Bên cạnh đó, việc mở rộng quan hệ hợp tác với các quốc gia trên thế giới đã giúp Việt Nam tiếp thu được khoa học - công nghệ mới và cách quản lý tiên tiến để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả nêu trên, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam còn tồn tại nhiều hạn chế:

- Nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh kém. Sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngoại nhiều kinh nghiệm đối với thị trường trong nước, cùng với yêu cầu cắt giảm thuế sâu rộng của các FTA là một thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp trong nước vì hầu hết các doanh nghiệp trong nước có trình độ công nghệ lạc hậu. Từ đó một số sản phẩm nông sản, thủy sản, dệt may và giày dép gặp khó khăn

trong cạnh tranh, dù có tổng kim ngạch xuất khẩu tăng, nhưng về tốc độ tăng trưởng kim ngạch lại có xu hướng giảm. Từ năm 2011, tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu giảm liên tục từ 34% xuống 8% năm 2016.

Đối với xuất khẩu, năng lực doanh nghiệp trong nước yếu, không tận dụng được lợi ích của hội nhập giống như các doanh nghiệp FDI. Xuất khẩu của doanh nghiệp FDI năm 2007 chiếm 58%, năm 2016 chiếm tới 71,55%. Bên cạnh đó, những đóng góp của các doanh nghiệp FDI là chưa bền vững vì chủ yếu tập trung vào gia công, tạo ra giá trị gia tăng thấp cho nền kinh tế. Phần lớn các doanh nghiệp FDI vẫn sử dụng công nghệ trung bình nên cũng không đóng góp nhiều cho việc cải thiện khoa học công nghệ.

- Mức tăng trưởng cao nhưng thiếu bền vững do tăng trưởng phụ thuộc quá nhiều vào vốn và nhân công giá rẻ, trong khi trình độ khoa học - công nghệ và năng suất lao động chưa được cải thiện nhiều. Theo Tổng cục Thống kê, năng suất lao động bình quân của người Việt vẫn đang ở mức rất thấp so với các nước trong khu vực. Năm 2015, năng suất lao động của Việt Nam theo giá hiện hành đạt 3.660 USD, chỉ bằng 4,4% của Singapore (nghĩa là năng suất lao động của người Singapore gấp 23 lần người Việt Nam); bằng 17,4% của Malaysia, 35,2% của Thái Lan; 48,5% của Philippines và 48,8% của Indonesia.

- Môi trường kinh doanh được cải thiện nhưng còn chậm, thể chế kinh tế thị trường chưa vận hành đầy đủ, đồng bộ theo quy luật thị trường. Mới đây, tổ chức Heritage Foundation đã công bố Báo cáo chỉ số tự do Kinh tế toàn cầu năm 2017, trong đó Việt Nam xếp ở vị trí 147, giảm 16 bậc so với năm 2016, (thua xa các nước trong khu vực

như Thái Lan xếp thứ 55, Indonesia xếp thứ 84). Những hạn chế về thể chế kinh tế này cản trở quá trình phát triển của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp với năng lực cạnh tranh kém gặp nhiều khó khăn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Việt Nam cũng không được cải thiện nhiều, năm 2007 Việt Nam đứng 68 trong số 131 nền kinh tế được xếp hạng thì năm 2016 là 60 trên 138. Các chuyên gia kinh tế cảnh báo, trong thời gian tới, nhân công giá rẻ sẽ không còn là yếu tố hấp dẫn các nhà đầu tư và Việt Nam sắp mất lợi thế cơ cấu dân số vàng. Nếu không tận dụng tốt lực lượng lao động trong giai đoạn này thì Việt Nam sẽ sớm phải đối mặt với gánh nặng già hóa dân số, ảnh hưởng không nhỏ tới tăng trưởng kinh tế.

- Sự suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên và gia tăng ô nhiễm môi trường. Nguyên nhân chính của tình trạng này là do năng lực quản lý và bảo vệ môi trường của Việt Nam còn yếu, hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường dù được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều tồn tại, chồng chéo và chưa phù hợp.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Một là, tăng cường sự nhận thức của tất cả các cơ quan, doanh nghiệp và người dân về những cơ hội và thách thức mà hội nhập kinh tế quốc tế đem lại. Từ đó nâng cao ý thức quản lý của các cơ quan nhà nước, đồng thời tăng cường sự chủ động của doanh nghiệp và người dân trong việc chuẩn bị cho quá trình hội nhập, đặc biệt là việc tham gia các FTA thế hệ mới.

Hai là, tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đây là yếu tố quan trọng vừa để tiếp tục thu hút đầu tư của các doanh nghiệp FDI, vừa tạo điều kiện để hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước phát triển. Cần tăng cường công khai và minh bạch về hệ thống chính sách, pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh lành mạnh và cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp. Thúc đẩy phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng và chất lượng ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế, để kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt cần có các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển; tích cực thực hiện cải cách hành chính; xóa bỏ các rào cản giấy phép gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Ba là, chú trọng phát triển nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ để hướng tới tăng trưởng bền vững. Để phát triển nguồn nhân lực trình độ cao cần đẩy mạnh thực hiện cải cách toàn diện giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học và đào tạo nghề, hướng tới giáo dục đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường, của xã hội. Tăng cường liên kết đào tạo nghề với các doanh nghiệp để sinh viên nhanh chóng thích ứng với công việc sau khi tốt nghiệp. Khuyến khích phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ, hỗ trợ các doanh nghiệp (vì hầu hết doanh nghiệp Việt Nam chưa có sự đầu tư phù hợp, thiếu vốn cũng như không đủ trình độ). Tránh sử dụng các công nghệ lạc hậu vì hiệu quả không cao mà còn gây ô nhiễm môi trường.

Bốn là, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách phù hợp với các thông lệ quốc tế nhằm thực thi có hiệu quả các hiệp

định đã kí và tham gia bất kì các hiệp định mới khác.

Năm là, chú trọng bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đây là yếu tố quan trọng để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả, thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

Cần tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường; hoàn thiện các cơ chế, chính sách về quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; triển khai áp dụng các tiêu chuẩn về môi trường theo các cam kết quốc tế. Đảm bảo các doanh nghiệp trong và ngoài nước phải tuân thủ chặt chẽ những quy định về môi trường, kiên quyết xử lý các sai phạm theo pháp luật.

5. Kết luận

Hội nhập kinh tế quốc tế đã đem lại cho Việt Nam những kết quả đáng khích lệ, đóng góp cho công cuộc đổi mới đất nước. Tuy nhiên quá trình này cũng còn nhiều hạn chế. Vì vậy trong thời gian tới, để hội nhập kinh tế quốc tế hiệu quả và bền vững, Việt Nam cần nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; chủ động hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình; tăng cường hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường; nâng cao nội lực, tận dụng tốt những cơ hội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

-
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (2016), *Nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, Hà Nội.
- [9] Phạm Bình Minh (2014), “Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, nguồn sức mạnh của Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, số 855.
- [10] Kim Ngọc (2014), “Quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong đổi mới”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10.
- [11] Nguyễn Minh Phong - Nguyễn Trần Minh Trí (2016), “Phát triển kinh tế theo tinh thần Đại hội XII của Đảng”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 3.
- [12] Nguyễn Vũ Tùng (2016), “Tiến trình hội nhập quốc tế ở Việt Nam: Cơ hội và thách thức”, *Hội thảo khoa học Kinh nghiệm hội nhập khu vực của Việt Nam và Tây Ban Nha: tiếp cận so sánh*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [13] Nguyễn Xuân Trung (2016), “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới”, *Hội thảo khoa học quốc gia: Văn kiện đại hội XII của Đảng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [14] <http://www.thesaigontimes.vn/156953/Hanh-trinh-cai-cach-sau-chang-10-nam-WTO.html>.

